

Bản án số: 324/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hồ Thị Lệ Thu

2/ Bà Võ Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/03/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thùy T**, sinh năm 1978 (yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: **Số B T, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Công D**, sinh năm 1974 (yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: **Số B T, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà **Trần Thị Thùy T** và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy T** và ông **Nguyễn Công D** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58, quyền số 01/97 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 25/08/1997. Sống hạnh phúc được 22 năm thì xảy ra mâu thuẫn, bốn năm gần đây vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không hàn gắn được, ông **D** thường uống rượu say, chửi mắng bà, dù đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông **D** không sửa được, hai người đã sống ly thân từ hai năm nay, nay mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Bà **T** không còn tình cảm với ông **D**, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà **Trần Thị Thùy T** yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Công D**.

- Về con chung: Bà **Trần Thị Thùy T** và ông **Nguyễn Công D** có hai chung là Nguyễn Vũ Trần Anh Thư sinh ngày 16/11/1998 và **Nguyễn Công V** sinh ngày 02/02/2003. Hai con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà **T** xác nhận hai bên đương sự tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Ông **Nguyễn Công D** có Đơn đồng ý ly hôn và xin vắng mặt đề ngày

05/4/2024, có nội dung, ông **D** đồng ý ly hôn với bà **T**, về con chung, tài sản, nợ chung chung đúng như bà **T** trình bày, ông **D** xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử của Tòa án và cam kết không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà **Trần Thị Thùy T** có yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Công D** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông **Nguyễn Công D** có nơi cư trú tại **Quận G** nên căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân **Quận G** không tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bà **T** và ông **Nguyễn Công D** đều có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/1997 tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai** ngày 25/08/1997, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Thị Thùy T** và ông **Nguyễn Công D** là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình:

Bà **T** và ông **D** kết hôn năm 1997. Do mâu thuẫn, cãi vã, nay hai người mạnh ai nấy sống, tình cảm không còn, bà **T** nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông **D** và ông **D** cũng đồng ý ly hôn với bà **T**. Xét, do tình cảm vợ chồng giữa bà **T** ông **D** không còn, mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà **T** có yêu cầu được ly hôn với ông **D** là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **T**.

[2.3] Về con chung: Bà **Trần Thị Thùy T** và ông **Nguyễn Công D** có hai chung là **Nguyễn Vũ Trần Anh Thư** sinh ngày 16/11/1998 và **Nguyễn Công V** sinh ngày 02/02/2003. Hai con chung của bà **T**, ông **D** đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị Thùy T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Trần Thị Thùy T**.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Thùy T** được ly hôn với ông **Nguyễn Công D**.

[1.2] Về con chung: Đã trưởng thành.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà **Trần Thị Thùy T** phải chịu. Bà **Trần Thị Thùy T** đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0038145 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Trần Thị Thùy T** đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (tk. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân